

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 413/2025/DS-ST
Ngày 10-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thị Kim Hồng
2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Hằng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng L; Trụ sở: 40-42-44 đường P, phường R, tỉnh A (cũ: phường V, thành phố R, tỉnh K); Địa chỉ liên lạc: 279-281 đường K, phường A (cũ: phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D, số Căn cước công dân: 091 201 000 068 cấp ngày 18/11/2022; Ông C, số Căn cước công dân: 082 200 007 476 cấp ngày 03/02/2023 và bà V, số Căn cước công dân: 079 195 011 463 cấp ngày 12/9/2022; Cùng địa chỉ liên lạc: 279-281 đường K, phường A (cũ: phường A, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng L; Theo Giấy uỷ quyền số 198/QĐ-NH ngày 10/02/2025.

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm: 1989, số chứng minh nhân dân: 024 213 013 cấp ngày 20/3/2007; Địa chỉ: 1458/3 đường H, phường P (cũ: Phường M, Quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 12 năm 2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Ngân hàng L có ông D làm đại diện trình bày: Ông H có ký với Ngân hàng L – PGD A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng L) theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bank số 40018285000210 ký ngày 11/10/2018. Nội dung: Ông H được Ngân hàng L cấp thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng; Vay tín chấp; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất cho vay: 28%/năm; Kỳ hạn trả lãi vay: Hàng tháng. Hình thức thanh toán: Lãi và gốc trả từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch trên thẻ tín dụng quốc tế bank với tổng số tiền là 66.165.900 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng L số tiền 43.710.000 đồng. Lần cuối cùng ông H thanh toán cho Ngân hàng L vào ngày 12/11/2019 với số tiền là 1.100.000 đồng và kể từ ngày 13/11/2019 ông H đã ngưng thanh toán tiền vốn và lãi cho Ngân hàng L. Ngân hàng L đã thông báo, yêu cầu ông H thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng L nhưng ông H không thực hiện. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 10/01/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 28.456.616 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10/9/2025 ông H còn nợ Ngân hàng L tổng số tiền là 96.237.936 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 28.456.616 đồng và lãi quá hạn là: 28.456.616 đồng (Dư nợ cuối kỳ ngày 10/01/2020) * 28% (Lãi suất cho vay) / 365 ngày * 2070 ngày (Số ngày tính từ thời điểm quá hạn đến ngày diễn ra phiên tòa xét xử vụ án ngày 10/09/2025) * 150% (Lãi suất quá hạn) = 67.781.320 đồng.

Nay Ngân hàng L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông H thanh toán một lần cho Ngân hàng L số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 96.237.936 đồng; Trong đó: Vốn gốc là 28.456.616 đồng; Lãi quá hạn là 67.781.320 đồng. Ông H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bank số 40018285000210 ký ngày 11/10/2018 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành Quyết định/ Bản án này để thanh toán nợ cho Ngân hàng L.

Bị đơn ông H đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng L thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 5 của Nghị Quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Xét bị đơn ông H; Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng L gồm: Ông C và bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Riêng người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng L là ông D có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bank số 40018285000210 ký ngày 11/10/2018 giữa Ngân hàng L với ông H; Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của bank gồm các điều khoản chính sau: Ông H được Ngân hàng L cấp thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng; Vay tín chấp; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất cho vay: 28%/năm. Từ ngày 13/11/2019 ông H đã ngưng thanh toán tiền vốn và lãi cho Ngân hàng L. Ngân hàng L đã thông báo, yêu cầu ông H thanh toán dứt nợ nhưng ông H không thực hiện. Đến ngày 10/01/2020 Ngân hàng L đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 28.456.616 đồng sang nợ quá hạn. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi. Tòa án

xác định các tình tiết trên là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét trong quá trình thực hiện Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bank số 40018285000210 ký ngày 11/10/2018; Kèm theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của bank. Tính từ ngày 13/11/2019 cho đến nay ông H đã ngừng thanh toán các khoản nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng L; Là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

Do đó Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 96.237.936 đồng; Trong đó: Vốn gốc là 28.456.616 đồng; Lãi quá hạn là 67.781.320 đồng. Ông H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bank số 40018285000210 ký ngày 11/10/2018 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L là có cơ sở chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng L. Ngân hàng L không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ vào Nghị quyết 81/2025UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ vào Điều 5 của Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng L số tiền là 96.237.936 (Chín mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi sáu) đồng; Trong đó: nợ gốc là 28.456.616 (Hai mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm mười sáu) đồng; Lãi quá hạn là 67.781.320 (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi một ngàn ba trăm hai mươi) đồng tính đến ngày 10/9/2025; Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bank số 40018285000210 ký ngày 11/10/2018; Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của bank.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng L thì lãi suất mà ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng L theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H phải chịu là 4.811.896 (Bốn triệu tám trăm mười một ngàn tám trăm chín mươi sáu) đồng.

Ngân hàng L không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.560.172 (Hai triệu năm trăm sáu mươi ngàn một trăm bảy mươi hai) đồng; Theo biên lai thu số 0031174 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV 10 – TP. HCM;
- THA DS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn

